

# PHƯƠNG THỨC HÌNH THÀNH CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO (FTA) TRONG KHU VỰC ĐÔNG Á HƯỚNG TỚI MỘT CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ĐÔNG Á TƯƠNG LAI

BÙI TRƯỜNG GIANG\*

## Tóm tắt

Để nhận diện rõ sự vận động của tiến trình xây dựng một Cộng đồng Kinh tế Đông Á trong thời gian tới, cần đánh giá xác thực chiều hướng hình thành những thể chế và khung khổ hợp tác chủ yếu của cộng đồng kinh tế đó. Trong bối cảnh bùng nổ hơn 300 lộ trình hình thành các Hiệp định Thương mại tự do trên thế giới và hơn 143 sáng kiến FTA trong khu vực Đông Á cho đến thời điểm hiện nay, bài viết sẽ tập trung phân tích năm phương thức hình thành FTA chủ yếu đang diễn ra trong khu vực Đông Á gồm (1) Phương thức FTA song phương giữa quốc gia với quốc gia; (2) Phương thức FTA ASEAN+1 với ASEAN là "tâm trục"; (3) Phương thức AFTA kết hợp với FTA Đông Bắc Á; (4) Phương thức FTA ASEAN+3; và (5) Phương thức FTA ASEAN+6. Trên cơ sở đó, bài viết kết luận rằng những năm vừa qua cả ASEAN và các nước Đông Á khác đã lựa chọn phương thức FTA ASEAN+1 như là bước đi phù hợp nhất hướng tới hội nhập kinh tế Đông Á một cách chính thức hơn, sâu rộng hơn. Trong thời gian tới đây, việc hình thành Cộng đồng Kinh tế Đông Á sớm hay muộn, mang tính thể chế hoá cao hay thấp sẽ phụ thuộc vào việc các quốc gia Đông Á tìm ra phương thức tối ưu tích hợp các FTA ASEAN+1 đang đàm phán, đã được ký kết và thực thi hiện nay thành một FTA rộng khắp không gian kinh tế Đông Á. Tác giả kỳ vọng rằng quá trình nghiên cứu chung về một FTA ASEAN+3 (EAFTA) hay FTA ASEAN +6 (CEPEA) sẽ tìm ra được thể thức và lộ trình kết hợp hay hội tụ các lộ trình FTA ASEAN+1 và có thể là các FTA đơn lẻ khác trong Đông Á thành một trong các thể chế kinh tế cốt lõi của Cộng đồng Kinh tế Đông Á tương lai, hiện thực hoá bước đi đầu tiên của tiến trình xây dựng Cộng đồng.

## I. ĐÔNG Á ĐANG BẮT KỊP LÀN SÓNG HÌNH THÀNH CÁC FTA TRÊN THẾ GIỚI

Làn sóng liên kết kinh tế khu vực trên song song tồn tại với các khung khổ liên kết kinh tế đa phương với tám vòng đàm phán trong khung khổ Hiệp định Chung về Thương mại và Thuế quan (GATT). Kể từ thập kỷ 1980 và đặc biệt là sau khi Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ra đời năm

1995, làn sóng hội nhập kinh tế khu vực lại bùng nổ với nhiều biểu hiện mới về quy mô, mức độ và phạm vi tự do hoá. Tất cả các khía cạnh này chúng ta đều có thể quan sát thấy từ những biến chuyển đang diễn ra trong quan hệ kinh tế quốc tế ngày nay. Đó là xu hướng hình thành các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) trên thế giới.

Tại khu vực Châu Á, cùng với những kế hoạch hành động của Diễn đàn APEC, một loạt các sáng kiến thỏa thuận khu vực mẫu

\* Tiến sĩ, Phó Trưởng ban Quản lý Khoa học & Đào tạo Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

dịch tự do đã được triển khai từ những năm 1990 và phát triển mạnh mẽ thời gian gần đây như các thỏa thuận và sáng kiến FTA sau: Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA), Thỏa thuận Quan hệ Kinh tế gần gũi hơn Ồttrâyli-a-Niu Dilân (CER), Khu vực Thương mại Tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA), Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN-Ấn Độ (AIFTA), Hiệp định đối tác Kinh tế ASEAN-Nhật (AJEPA), Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN-Hàn Quốc (AKFTA), Khu vực Thương mại Tự do Nam Á (SAFTA), Hiệp định Thương mại Tự do Đông Á (EAFTA) ..v.v.

Với khu vực Đông Á, mãi tới những năm cuối của thế kỷ XX, chúng ta mới quan sát thấy sự xuất hiện của xu hướng hội nhập kinh tế khu vực ở Đông Á một cách rõ nét, với biểu hiện sống động nhất là làn sóng hình thành các FTA trong khu vực. Có thể nhận xét rằng khu vực Đông Á đi sau hai trung tâm kinh tế là EU và Bắc Mỹ trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực, song trong

một thập kỷ qua (1998-2007) các quốc gia Đông Á đang điều chỉnh mạnh chính sách kinh tế đối ngoại của mình theo hướng cân bằng hơn giữa hội nhập kinh tế đa phương với hội nhập kinh tế khu vực và đang bắt kịp rất nhanh với làn sóng FTA toàn cầu.

Cho đến năm 2002, khi Nhật Bản và Xingapo ký FTA song phương (JSEPA) thì AFTA (1992) vẫn là sự thử nghiệm FTA đầu tiên và duy nhất với mục tiêu thúc đẩy thương mại nội khối ASEAN. Song kể từ năm 1999, tại Đông Á đã bùng nổ các nỗ lực FTA song phương (BFTA), mở đầu là Xingapo, sau đó Nhật Bản, Hàn Quốc tuyên bố diễn đàn đa phương WTO không còn là sự lựa chọn duy nhất. Trung Quốc và Thái Lan cũng nhanh chóng đưa ra các sáng kiến FTA song phương của mình, ASEAN với tư cách là một khối thống nhất cũng tăng cường thiết lập các cam kết FTA song phương với một loạt các nước đối thoại chính như Ồttrâyli-a và NiuZilân (thuộc CER), Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ<sup>11</sup>.

**Bảng 1: Đông Á đang bắt kịp làn sóng FTA thế giới**

Năm	Số lượng FTA	Hiện trạng các sáng kiến FTA		
		Đã ký	Đang đàm phán	Đang đề xuất
1976	1	1	0	0
1986	1	1	0	0
1996	4	3	0	1
2000	7	3	1	3
2001	10	5	2	3
2002	14	6	4	4
2003	23	9	5	9
2004	42	14	16	12
2005	67	21	30	16
2006	96	31	42	23
2007	102	36	41	25

Nguồn: Jetro (2007)

<sup>11</sup> Xem Bùi Trường Giang (2005) mô tả chi tiết xu hướng hình thành các FTA song phương tại khu vực Đông Á.

Quá trình gia tăng hội nhập kinh tế Đông Á thông qua việc hình thành các FTA song phương và tiểu khu vực vừa mang tính ngoại sinh, vừa mang tính nội sinh. Điều này có nghĩa một mặt xu hướng hình thành FTA trong khu vực Đông Á thể hiện sự phản ứng chính sách trước các sức ép cạnh tranh mới từ môi trường kinh tế-chính trị bên ngoài khu vực. Mặt khác, xu hướng này hình thành dựa trên những tiền đề khá chín muồi của thực tiễn quan hệ kinh tế giữa các quốc gia trong khu vực suốt nhiều thập kỷ qua. Mức độ liên kết kinh tế, thương mại và đầu tư cao trên thực tế đòi hỏi các quốc gia trong khu vực Đông Á phải tìm ra phương thức thể chế hoá các quan hệ thị trường này, mà chính sách hình thành FTA giữa các quốc gia Đông Á chính là lời giải thiết thực cho bài toán tăng cường hội nhập kinh tế khu vực trong bối cảnh quốc tế hiện nay.

## **II. CÁC PHƯƠNG THỨC HÌNH THÀNH FTA CHỦ YẾU TẠI ĐÔNG Á**

Chưa bao giờ các sáng kiến liên kết kinh tế tại khu vực Đông Á lại nở rộ như hiện nay, đặc biệt kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực năm 1997. *Phương thức hình thành các FTA song phương là một biểu hiện mới trong hợp tác và hội nhập kinh tế khu vực Đông Á.* Quá trình hội nhập kinh tế khu vực đang được *chính thức hoá* bằng một loạt các sáng kiến tự do hoá thương mại thông qua các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) song phương và đa biên giữa các chính phủ tại Đông Á.

Câu hỏi đặt ra là liệu một loạt các FTA song phương đã và đang hình thành có đưa đến sự hình thành một Khu vực Thương mại Tự do toàn Đông Á, làm nền tảng cho một

Cộng đồng Kinh tế Đông Á chặt chẽ hơn trong tương lai? Căn cứ vào phương thức hình thành các FTA song phương trong khu vực và các tác động có thể xảy ra đối với tiến trình tự do hoá thương mại và hội nhập kinh tế khu vực, bài viết xin đưa ra một số quan sát về chiều hướng vận động của xu hướng hình thành các FTA tại khu vực Đông Á hiện nay với năm phương thức chính sau:

### **1. Phương thức FTA song phương giữa quốc gia với quốc gia**

Xu hướng hình thành các FTA tại khu vực Đông Á đã, đang và sẽ tiến triển theo hướng hình thành một mạng lưới các FTA song phương đan xen, trùng lặp nhau. Nếu phương thức này là chủ đạo thì việc thúc đẩy sự hội tụ của hàng loạt các lộ trình FTA song phương quốc gia-quốc gia riêng lẻ vào lộ trình hình thành Khu vực thương mại tự do toàn Đông Á (EAFTA) duy nhất sẽ rất khó khăn vì một mạng lưới các FTA song phương quốc gia với quốc gia khó đảm bảo khả năng tích hợp thành một FTA toàn khu vực. Chiều hướng theo “chủ nghĩa song phương quốc gia” này đã và đang diễn ra tại khu vực Đông Á, theo đó từng thành viên Đông Á nói chung và từng thành viên ASEAN nói riêng tìm kiếm cho mình các quốc gia để hình thành FTA song phương. Một loạt các FTA song phương đã và đang được hình thành theo phương thức này như FTA Xingapo-Nhật Bản; FTA Trung Quốc-Thái Lan; FTA Nhật Bản-Xingapo; FTA Hàn Quốc-Nhật Bản; FTA Thái Lan-Trung Quốc, FTA Malaixia-Nhật Bản...v.v. Như vậy, phương thức chạy đua hình thành các FTA song phương giữa các quốc gia như thế này sẽ gây ra chi phí điều chỉnh lớn một khi Đông Á

quyết tâm xây dựng một cộng đồng kinh tế trong tương lai.

## **2. Phương thức FTA ASEAN+1 với ASEAN là “tâm trục”**

Nếu ASEAN đóng vai trò như một thực thể kinh tế thống nhất và trở thành “trung tâm” hình thành một số FTA song phương chủ chốt với ba quốc gia Đông Bắc Á thì khả năng hợp nhất thành một FTA toàn Đông Á là có thể. Theo đó, các nước Đông Bắc Á sẽ ký FTA song phương với ASEAN theo *phương thức ASEAN+1*.<sup>(2)</sup> Kết cục ban đầu là khối kinh tế Đông Á sẽ dựa trên hệ thống FTA hình bánh xe gồm “trục và nan hoa”. Phương thức ASEAN+1 đang trở thành hiện thực của hội nhập kinh tế Đông Á với việc FTA ASEAN-Trung Quốc (hàng hoá) và FTA ASEAN-Hàn Quốc (hàng hoá) đã có hiệu lực. FTA ASEAN-Nhật Bản, FTA ASEAN-Hàn Quốc (dịch vụ) được ký năm 2008, FTA ASEAN-Trung Quốc (dịch vụ) và FTA ASEAN-Ấn Độ (hàng hoá) cũng được ký kết trong Tháng 8 năm 2009 vừa qua.<sup>(3)</sup>

Tuy nhiên, liệu ASEAN có thực sự đủ mạnh và gắn kết để đóng vai trò “tâm trục” hay không là vấn đề cần thảo luận sâu hơn. Vấn đề đặt ra là với quy mô kinh tế và

thương mại chỉ bằng 1/10 ba nước Đông Bắc Á thì liệu ASEAN có phát huy được vai trò “tâm trục” thực sự hay không vẫn cần phải quan sát thêm vì rõ ràng việc giữ vị thế “tâm trục” của các FTA không đồng nghĩa với việc ASEAN có thể trở thành “cực tăng trưởng” hay “đầu tàu tăng trưởng” của nền kinh tế Đông Á. Để thực hiện được phương thức ASEAN làm tâm trục này, bản thân nội dung và phạm vi cam kết của các FTA ASEAN+1 phải được định hướng trong một khung khổ chung và toàn diện hơn. Song thực tiễn hiện nay cũng cho thấy một mặt ASEAN đang tăng cường địa vị pháp lý và tính gắn kết của mình thông qua lộ trình hình thành Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột Chính trị-An ninh, Kinh tế và văn hoá-xã hội. Mặt khác, rõ ràng phương thức FTA ASEAN+1 đang nổi trội, là khung khổ chính cho các lộ trình FTA khu vực hướng tới một lộ trình hội nhập sâu rộng hơn của toàn khu vực Đông Á.

## **3. Phương thức AFTA kết hợp với FTA Đông Bắc Á**

Nếu hội nhập kinh tế Đông Á được hình thành dựa trên sự tích hợp của hai FTA đa biên chính trong khu vực là (1) ASEAN/AFTA ở Đông Nam Á và (2) FTA Đông Bắc Á<sup>(4)</sup> thì đây sẽ là kịch bản tối ưu về mặt phúc lợi tổng khu vực vì về mặt lý thuyết, việc xây dựng một hiệp định thương

<sup>(2)</sup> Như vậy, ASEAN/AFTA/AEC sẽ là “tâm trục” còn các FTA song phương với Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc sẽ là “nan hoa”, gồm FTA ASEAN- Trung Quốc, FTA ASEAN-Nhật Bản và FTA ASEAN-Hàn Quốc và FTA ASEAN-Ấn Độ...

<sup>(3)</sup> Với các bên đối thoại khác, ASEAN đã tham vấn với EU về FTA song phương ASEAN-EU từ năm 2007, nhưng do EU thay đổi phương thức đàm phán nên quá trình này đang chuyển sang hướng EU lựa chọn đàm phán riêng với từng thành viên ASEAN. Cách tiếp cận này giống với Sáng kiến Doanh nghiệp vì ASEAN (EAI) mà Hoa Kỳ đề xuất năm 2002 lại chọn cách tiếp cận FTA song phương đơn lẻ với từng thành viên ASEAN (có chọn lọc) thay vì ký kết một FTA song phương với cả khối ASEAN như một số quốc gia trên.

<sup>(4)</sup> Trong khung khổ bài viết, “Đông Bắc Á” chỉ gồm Nhóm ba quốc gia Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Xét về địa lý, FTA khu vực Đông Bắc Á có thể gồm 5 nền kinh tế là Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, và Trung Quốc, theo đó ba nước Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc cùng với Hồng Kông và Đài Loan sẽ dẫn hình thành FTA khu vực Đông Bắc Á (NEAFTA), sau đó NEAFTA này sẽ “nhập” với ASEAN/AFTA để trở thành FTA toàn Đông Á (EAFTA).

mại tự do bao trùm toàn khu vực hiệu ứng phúc lợi cao hơn nhiều so với một hệ thống dạng “trục và nan hoa”. Tuy nhiên, đây là phương thức khó khả thi hơn trên mấy phương diện sau: Thứ nhất, các quốc gia trong khu vực Đông Bắc Á vẫn còn chưa giải quyết hết một loạt các vấn đề căng thẳng trong quan hệ song phương và khu vực như vấn đề lịch sử chiến tranh và sách giáo khoa lịch sử, vấn đề lãnh thổ Đài Loan hay thậm chí là vấn đề Bắc Triều Tiên. Thứ hai, các nghiên cứu cho thấy ASEAN hoàn toàn bất lợi nếu các nền kinh tế Đông Bắc Á thiết lập được một FTA với nhau, chắc chắn dòng thương mại và đầu tư sẽ “chuyển hướng” từ ASEAN sang Trung Quốc. Hơn nữa ASEAN cũng không còn cơ hội tiếp cận công nghệ nhằm tiến lên nấc thang phân công lao động khu vực và toàn cầu cao hơn. Tuy nhiên, với những động thái hoà dịu quan hệ Trung-Nhật gần đây và động cơ thúc đẩy hợp tác kinh tế Đông Bắc Á mạnh mẽ của Hàn Quốc, rất có thể ý tưởng về một FTA Đông Bắc Á sẽ “sống dậy” và tạo động lực cho các lộ trình FTA khác trong khu vực, đặc biệt là các lộ trình FTA ASEAN+1.

#### **4. Phương thức FTA ASEAN+3**

Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN+3 tại Viêng-chăn, Lào (2004), nguyên thủ 10 quốc gia ASEAN và 3 quốc gia Đông Bắc Á là Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc đã đi đến nhất trí về tính cần thiết của một Khu vực Thương mại Tự do toàn Đông Á (EAFTA) và giao cho các Bộ trưởng kinh tế của 13 quốc gia tổ chức nghiên cứu và soạn thảo báo cáo về việc xây dựng EAFTA trong thời gian tới. Để cụ thể hoá ý tưởng này, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đại diện cho

Trung Quốc đã nhận đăng cai thành lập *Nhóm chuyên gia hỗn hợp (JEG) nghiên cứu về tính khả thi của Khu vực Thương mại Tự do Đông Á* (gọi tắt là Nhóm nghiên cứu EAFTA). Nghiên cứu của Nhóm nghiên cứu EAFTA giai đoạn I (2005-2006) cho thấy hiện các nước ASEAN+3 đang hội tụ những điều kiện kinh tế-chính trị tiền đề thuận lợi cho việc hình thành một khu vực thương mại tự do ASEAN+3. Phân tích mô phỏng định lượng cũng cho kết quả phúc lợi tổng của một FTA gồm 13 nước ASEAN+3 sẽ lớn hơn của phương thức mạng lưới FTA song phương hay tổng 3 FTA ASEAN+1. Do đó, Nhóm chuyên gia EAFTA giai đoạn I (JEGFSE, 2005-2006)<sup>(5)</sup> đã đệ trình Báo cáo của mình lên Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN+3 vào Tháng 1 năm 2007 vừa qua tại Cebu (Philippin) với khuyến nghị cần sớm khởi động một lộ trình mới cho việc hình thành một FTA ASEAN+3. Hiện nay, Nhóm nghiên cứu EAFTA giai đoạn II<sup>(6)</sup> (Nhóm EAFTA-II) do Hàn Quốc nhận làm Trưởng nhóm nghiên cứu và đang tiến hành phân tích sâu tác động ngành của một EAFTA trong tương lai nhằm đưa ra những cơ sở khoa học đáp ứng tốt hơn yêu cầu của lãnh đạo cấp cao ASEAN+3.

Đây là phương thức thể chế hoá hợp tác và hội nhập thương mại Đông Á dựa trên nền tảng là khung khổ hợp tác ASEAN+3 đã hình thành và phát triển gần 10 năm qua, do đó khá thuận lợi về cam kết chính trị và tiền đề hội nhập thương mại-đầu tư nội khối. Đây

<sup>(5)</sup> Tác giả là thành viên Việt Nam chính thức trong Nhóm chuyên gia EAFTA giai đoạn I (từ tháng 1 năm 2005 đến tháng 7 năm 2006) và giai đoạn II (2007-2009).

<sup>(6)</sup> Nhóm bắt đầu làm việc từ tháng 5/2007, lịch họp là 6 tháng/lần và dự kiến kết thúc công việc vào năm 2009.

cũng là phương thức nhận được động lực dẫn dắt mạnh mẽ từ Trung Quốc, do đó các nước Đông Bắc Á khác như Nhật Bản hay Hàn Quốc không thể không tham gia nếu muốn duy trì lợi thế cạnh tranh tại Đông Á. Tuy nhiên, chiều hướng dẫn dắt của Trung Quốc đối với tiến trình FTA ASEAN+3 này cũng khiến các nước tham gia phải lo ngại về tầm ảnh hưởng, chi phối ngày càng mạnh của Trung Quốc trong quan hệ kinh tế khu vực, do đó tìm cách thiết lập thế “cân bằng mới” với Trung Quốc trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực ngày càng sâu rộng.

### 5. Phương thức FTA ASEAN+6

Đây là phương thức hình thành một FTA giữa 16 quốc gia thuộc khung khổ Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS), gồm 10 quốc gia ASEAN, ba quốc gia Đông Bắc Á là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và 3 quốc gia còn lại thuộc khung khổ Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á là Ôt-xtrây-li-a, Niuzi-lân và Ấn Độ. Khung khổ EAS chính là nền tảng của phương thức hình thành FTA ASEAN+6 này.<sup>(7)</sup> Sau hai kỳ Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á và trên cơ sở của Sáng kiến NIKAI

do Nhật Bản đề xuất, hiện ý tưởng về một FTA gồm 16 quốc gia kể trên đã được lãnh đạo các quốc gia ủng hộ và nhất trí cùng tiến hành nghiên cứu tính khả thi của FTA ASEAN+6 với tên gọi chính thức là *Sáng kiến Đối tác Kinh tế Toàn diện Đông Á* (CEPEA),<sup>(8)</sup> cùng với đề xuất thành lập *Viện nghiên cứu Kinh tế ASEAN và Đông Á* (ERIA). Tổng Thư Ký ASEAN Ong Keng Yong từng nhất mạnh: CEPEA là một ý tưởng tốt, “*chưa có tiền lệ trong lịch sử*”,<sup>(9)</sup> do đó càng nghiên cứu, trao đổi quan điểm thì các quốc gia càng hiểu biết nhau hơn và càng có ích cho việc phát triển mối quan hệ đối tác. Đây là sáng kiến đã được lãnh đạo 16 nước nhất trí thông qua.

So với vài năm trước đây thì rõ ràng khả năng về một lộ trình hình thành một FTA ASEAN+6 đang diễn biến khá nhanh và cũng có được những nền tảng kinh tế và chính trị khá rõ nét. Cơ sở hình thành CEPEA là mối quan hệ kinh tế thương mại trong ASEAN+6 (ASEAN + Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Ôt-xtrây-li-a và Niuzi-lân) đã không ngừng tăng lên xét trên các phương diện dòng thương mại nội nhóm, tính bổ sung lẫn nhau trong cơ cấu thương mại, mạng lưới chuyên môn hoá sản xuất trong khu vực. Hơn thế, tầm ảnh hưởng của nhóm ASEAN+6 trong nền kinh tế thế giới cũng đã và đang gia tăng. Trong bối cảnh đó, việc thai nghén lộ trình hình thành CEPEA chính là nỗ lực nhằm “cân bằng” với tầm ảnh hưởng ngày càng mạnh của Trung Quốc

<sup>(7)</sup> Sau khi Nhóm chuyên gia ASEAN+3 đệ trình Báo cáo nghiên cứu về *Khu vực Thương mại tự do Đông Á: Cơ sở và Thể thức hình thành* (EAFTA) lên các Lãnh đạo ASEAN+3 tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN+3 (Cebu, Philíppin, T.1/2007), Nhật Bản đã đưa ra *Sáng kiến NIKAI* tại Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á lần thứ II (EAS) (Cebu, Philíppin, T.1/2007) về việc Nhật Bản hứa tài trợ 100 tỷ Yên (gần 100 triệu USD) trong 10 năm tới để triển khai hai nội dung phát triển kinh tế và hội nhập khu vực là: (1) Thành lập Nhóm nghiên cứu kênh II của các học giả khu vực về *Đối tác kinh tế Toàn diện Đông Á* (CEPEA) và (2) thành lập *Viện Nghiên cứu Kinh tế ASEAN và Đông Á* (viết tắt: ERIA). Sáng kiến NIKAI đã có được sự nhất trí của Lãnh đạo 16 quốc gia tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á lần II và giao cho Ban Thư ký ASEAN và kênh Bộ trưởng kinh tế (AEM) thực hiện nội dung về CEPEA.

<sup>(8)</sup> Tác giả được Bộ Thương Mại Việt Nam (nay là Bộ Công Thương) cử làm Trưởng nhóm thành viên Việt Nam tham gia Nhóm nghiên cứu chung này.

<sup>(9)</sup> Phát biểu tại Phiên họp thứ nhất của Nhóm chuyên gia nghiên cứu về CEPEA, Tokyo, 15-16/6/2007.

trong quá trình tăng cường liên kết kinh tế khu vực.

Diễn biến của hai nhóm nghiên cứu CEPEA và EAFTA-II trong năm 2007 cho thấy: *Thứ nhất*, Nhật Bản đang chủ động đẩy nhanh quá trình soạn thảo Báo cáo CEPEA và hoàn toàn có khả năng vượt trước Báo cáo EAFTA-II với tần suất các phiên họp như hiện nay. Báo cáo cuối cùng của Nhóm CEPEA rất có thể được đệ trình vào dịp Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á vào cuối năm 2008.

*Thứ hai*, Trung Quốc, sau khi chưa thành công trong việc thúc đẩy ý tưởng khởi động EAFTA trong giai đoạn nghiên cứu thứ nhất (2004-2006), đã tỏ ra không còn thực sự “mặn mà” thúc đẩy EAFTA giai đoạn II và tập trung ưu tiên cho việc thuyết phục lộ trình CEPEA phải khác với lộ trình EAFTA, nghĩa là làm chậm lại ý định khởi động ngay một lộ trình hình thành FTA ASEAN+6 do Nhật Bản đưa ra. Hiện nay, Hàn Quốc với vai trò Chủ tịch Nhóm nghiên cứu EAFTA-II chọn cách tiếp cận dung hoà hai lộ trình, cố gắng tìm ra một “chiến lược chung” cho hai Nhóm nghiên cứu, tránh không để xảy ra tình trạng hai Nhóm nghiên cứu CEPEA và EAFTA-II “loại trừ nhau” và ganh đua về tiến độ đệ trình báo cáo lên lãnh đạo cấp cao.

*Thứ ba*, các nước khác tham gia hai Nhóm nghiên cứu nhìn chung có quan điểm không coi hai hai lộ trình EAFTA và CEPEA là loại trừ nhau, chấp nhận sự tồn tại song song của hai Nhóm nghiên cứu. Về tổng thể, các thành viên ASEAN đều cho rằng nên xuất phát từ những khung khổ và nội dung sẵn có của ASEAN để bàn tiếp những bước đi hình thành EAFTA hoặc CEPEA. Điều này có

nghĩa các FTA ASEAN+1 hiện nay là có lợi cho ASEAN và không nên vội vàng khởi động một lộ trình FTA ASEAN+3 hay FTA ASEAN+6 mới hoàn toàn. Tuy nhiên, cách tiếp cận này rõ ràng không có lợi cho Hàn Quốc và vì vậy Hàn Quốc đang muốn làm sống lại ý tưởng hình thành một FTA Đông Bắc Á giữa ba nước Hàn-Trung-Nhật cũng như thúc đẩy nhanh việc ký kết FTA Trung Quốc-Hàn Quốc để gây sức ép lên ASEAN.

### **III. NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC PHƯƠNG THỨC HÌNH THÀNH FTA TẠI ĐÔNG Á VỚI TRIỂN VỌNG HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ĐÔNG Á TRONG TƯƠNG LAI**

Phân tích năm chiều hướng hình thành FTA đang vận động trong khu vực Đông Á ở phần trên, có thể rút ra một số nhận định chung về mối quan hệ giữa các phương thức hình thành FTA tại Đông Á với triển vọng hình thành Cộng đồng Kinh tế Đông Á trong tương lai như sau:

*Một là, tiến trình hội nhập kinh tế Đông Á cần một quyết tâm chính trị chung rất cao:* Hiện trong khu vực Đông Á đang diễn ra nhiều lộ trình FTA song song, đa dạng về phương thức hình thành và trùng lặp về thành viên. Có thể quan sát thấy một số thành viên ASEAN như Xingapo hay Thái Lan sẽ cố gắng hình thành và duy trì các FTA song phương có tính chiến lược với các cường quốc như Nhật Bản và Mỹ. Các FTA hình thành theo khung khổ ASEAN+1 đang trở thành hiện thực vì các FTA chính trong khu vực Đông Á đang triển khai đàm phán theo phương thức này. Lộ trình FTA ASEAN+3 và CEPEA đã xong giai đoạn nghiên cứu khả thi, nhưng để thực sự khởi động một lộ trình

đàm phán mới đòi hỏi *quyết tâm chính trị chung rất cao* vì thực chất đây là cuộc đua tranh không gian kinh tế khu vực mà Trung Quốc và Nhật Bản là hai cường quốc hiểu rõ nhất mức độ quyết tâm của riêng mình.

**Hai là, tốc độ sẽ quyết định sự thắng thế của các lộ trình FTA đang đua tranh nhau tại Đông Á:** Sự song trùng của các lộ trình FTA trong khu vực Đông Á hiện nay cũng như giữa hai Nhóm nghiên cứu CEPEA và EAFTA-II minh chứng cho sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa Nhật Bản với Trung Quốc và giữa Hàn Quốc với ASEAN trong xu hướng hình thành các FTA khu vực. *Lộ trình FTA nào nhiều thành viên hơn và được lãnh đạo cấp cao thông qua sớm hơn sẽ có thể làm vô hiệu hoặc thay thế các lộ trình khác.* Đây là thực tế mà các nước dẫn dắt, tham gia cuộc đua đều ý thức được và tìm cách đạt được “lợi thế của người đi trước”. Nếu FTA ASEAN+3 có thể sớm khởi động đàm phán thì lộ trình hình thành một FTA ASEAN+6 sẽ khả thi hơn theo cách tiếp cận tuần tự là FTA ASEAN+3+3, nghĩa là sau khi hình thành FTA ASEAN+3 sẽ kết nạp các thành viên còn lại của khung khổ EAS thành FTA ASEAN+6. Tuy nhiên, với nền tảng chính trị của khung khổ EAS, rất có thể cơ chế hợp tác ASEAN+6 sẽ triển khai một lộ trình hình thành FTA ASEAN+6 song song với tiến trình hình thành FTA ASEAN+3. Như vậy, vấn đề đặt ra là nếu chọn cách tiếp cận này (do Nhật Bản đưa ra) thì vô hình chung Sáng kiến về EAFTA thuộc khung khổ ASEAN+3 do Trung Quốc thúc đẩy từng đưa ra từ năm 2004 sẽ “bị thay thế” bởi một khung khổ bao trùm rộng lớn hơn là Sáng kiến CEPEA (2006) mà thực chất là FTA ASEAN+6.

**Ba là, ASEAN là tác nhân không thể thiếu trong tiến trình hình thành một Cộng đồng Kinh tế Đông Á sâu rộng hơn:** Quan sát thực tiễn xu hướng hình thành các FTA trong khu vực Đông Á và dựa trên những chiều hướng vận động nêu trên cho thấy ASEAN là tác nhân không thể thiếu của tiến trình tăng cường liên kết kinh tế Đông Á trong bối cảnh hiện nay, có vai trò dẫn dắt và điều phối tiến trình trong khi cả Nhật Bản và Trung Quốc chưa tìm được phương thức “cùng dẫn dắt” quá trình xây dựng Cộng đồng Kinh tế Đông Á tương lai. Rõ ràng một mạng lưới các FTA song phương lấy khối ASEAN làm “tâm trục” đang dần hình thành và triển vọng hình thành một khối kinh tế Đông Á thống nhất hơn thông qua quá trình liên kết sâu hơn bằng các FTA ASEAN+1 giữa ASEAN với các nước đối thoại chủ chốt là một phương thức được các thành viên khu vực Đông Á đặt nhiều kỳ vọng hợp lý hiện nay.

**Bốn là, mức độ thể chế hoá của một Cộng đồng (hay cộng đồng) Kinh tế Đông Á tương lai còn được quyết định bởi khả năng tích hợp các FTA ASEAN+1 thành một FTA toàn không gian kinh tế Đông Á:** Giá trị của các phương thức còn là như FTA ASEAN+3 (EAFTA) hay FTA ASEAN+6 (CEPEA) chính là ở chỗ *quá trình nghiên cứu chung dù là EAFTA hay CEPEA sẽ tìm ra được thể thức và lộ trình kết hợp hay hội tụ các lộ trình FTA ASEAN+1 hiện nay* và có thể là các FTA đơn lẻ khác trong Đông Á thành một khu vực thương mại tự do thực sự của toàn vùng Đông Á trong thời gian tới. Nhờ đó, một trong các thể chế kinh tế cốt lõi của Cộng đồng Kinh tế Đông Á tương lai sẽ



được thiết lập, hiện thực hoá bước đi đầu tiên của tiến trình xây dựng Cộng đồng./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Trường Giang (2005), “Xu hướng hình thành các hiệp định thương mại tự do song phương (BFTA) tại Đông Á và hệ quả đối với khu vực”, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, Số 320, T.1/2005, Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

2. Bùi Trường Giang - Cheong Inkyo (2004), “Cách tiếp cận chính sách FTA hướng tới Hội nhập Kinh tế Đông Á: Tiến triển và thách thức”, Chương 2 cuốn sách “Hướng tới Cộng đồng Kinh tế Đông Á”, GS, TS. Đỗ Hoài Nam và PGS, TSKH. Võ Đại Lược (đồng chủ biên, 2004), Nxb Thế giới và Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới.

3. Đỗ Hoài Nam và Võ Đại Lược (đồng chủ biên, 2004), sách song ngữ “Hướng tới Cộng đồng Kinh tế Đông Á” / “Towards East Asian Economic Community”, Nxb Thế giới và Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới.

4. East Asian Study Group (2002), “Final Report of the East Asia Study Group”, ASEAN+3 Summit, Phnom Penh, 4<sup>th</sup> November 2002, Cambodia.

5. East Asian Vision Group Report (2000), “Toward an East Asian Community: Region of Peace, Prosperity and Progress”, ASEAN+3 Summit, Singapore.

6. Lee, Jae-Seung (2002), “Building an East Asian economic Community”, Les Etudes du CERI, No.87, mai 2002.

7. Lê Bộ Lĩnh và Bùi Trường Giang (2004), “Xu hướng hình thành các hiệp định thương mại tự do song phương (BFTA) tại Đông Á và hệ quả đối với khu vực”, Bài hội thảo quốc tế do Bộ

Ngoại Giao Việt nam và Quỹ Ford Foundation tổ chức, ngày 26/7/2004, Hà Nội.

8. Lưu Ngọc Trinh (chủ biên, 2006), “Phản ứng chính sách của các nước Đông Á trước xu hướng hình thành các Khu vực Mậu dịch Tự do (FTA) từ cuối những năm 1990”, Nxb Lao Động-Xã Hội.

9. Nhóm chuyên gia EAFTA giai đoạn I (2005-2006): “Báo cáo nghiên cứu Tính khả thi của EAFTA: Lộ trình và Mô thức hình thành”, Ban Thư ký ASEAN.

10. Nhóm chuyên gia EAFTA giai đoạn II (2007-2009): Tài liệu các phiên họp.

11. Nhóm nghiên cứu CEPEA (2007-2009): Báo cáo cuối cùng năm 2008, Báo cáo cuối cùng năm 2009 và các tài liệu các phiên họp.

12. Sakakibara, Eisuke & Sharon Yamakawa (2003b), “Regional Integration in East Asia: Challenges and Opportunities”, Policy Research Working Paper No. 1079, World Bank, Washington D.C.

13. Urata, Shurijo (2002), “Globalization and the Growth in Free Trade Agreements”, Asia-Pacific Review, Vol.19, No.1, pgs 20-32.

14. World Bank (2004b), “East Asia Integrates”, Washington D.C, USA.

15. Wonnacott, Ronald, J, (2000), “Regional Trade Agreements”, in Brewer, Thomas & Boyd, Gavin, eds., “Globalizing America: The USA World Integration”, Edward Elgar.